



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 26.04.2483	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	16/04/2026 Trang/Page: 1/6
-------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : CÔNG TY TNHH XNK TM VT BẢO DUY

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : NHÀ MÁY BỘT MÌ BẢO DUY

Địa chỉ/ *Address* : Ấp Thạnh An, xã Thạnh Bình, tỉnh Tây Ninh

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 02/04/2026

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 03/04/2026 – 16/04/2026

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* : Xem trang tiếp theo

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

P. Giám đốc
Vice Director



Đông Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo. / *Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh. / *This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
CN: 1527/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 26.04.2483	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	16/04/2026 Trang/Page: 2/6
-------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí xung quanh
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: KX.040201 – Ngoài nhà xưởng (X=1277 314; Y=559 046)

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT ^(w)	QCVN 05:2023/ BTNMT ^(w)
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018 ^(*)	63,2	≤70	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	QCVN 46:2022/BTNMT ^(*)	33,1	-	-
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT	QCVN 46:2022/BTNMT ^(*)	65,4	-	-
4	Tốc độ gió	m/s	ĐNHT-KK01	ĐNHT-KK01 ^(*)	0,1	-	-
5	Bụi	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(*)	148	-	300
6	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009 ^(*)	51,4	-	200
7	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995 ^(*)	65,0	-	350
8	CO	µg/Nm ³	HDLM-KK05	HDPT-KK01 ^(*)	<10.333 ^(a)	-	30.000

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(a): Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation of Method (LOQ).

(w): Quy chuẩn so sánh do khách hàng yêu cầu, thông tin do khách hàng cung cấp.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh

CN: 1527/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 26.04.2483	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	16/04/2026 Trang/Page: 3/6
-------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Khí thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: KT.040203 – Cụm Cyclone sấy nóng và thu hồi tinh bột khoai mì (X=1277 353; Y=558 978) KT.040204 – Cụm Cyclone sấy nguội và thu hồi tinh bột khoai mì (X=1277 351; Y=558 973) KT.040205 – Cụm Cyclone quạt nguội và thu hồi bã khoai mì (X=1277 421; Y=558 973)

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result			QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B ^(w)
					KT.040203	KT.040204	KT.040205	
1	Lưu lượng	Nm ³ /h	US EPA Method 2	US EPA Method 2 ^(*)	39.020	8.968	5.687	-
		m ³ /h			45.254	9.915	6.338	
2	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5	US EPA Method 5 ^(*)	53	49	45	200

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(w): Quy chuẩn so sánh do khách hàng yêu cầu, thông tin do khách hàng cung cấp.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh

CN: 1527/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 26.04.2483	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	16/04/2026 Trang/Page:4/6
-------------------	---	------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Nước thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: NT.040209 – Bể lắng (X=1277 217; Y=558 780)
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method	: TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-1:2011, TCVN 8880:2011

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 63:2017/ BTNMT, CỘT A ^(w)
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,33	6 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	35	50
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	27	30
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023 ^(*)	66	75
5	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	7,15	10
6	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000 ^(*)	29,4	40
7	CN ⁻	mg/L	SMEWW 3500CN ⁻ .C&E:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,003)	0,07
8	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023 ^(*)	2.600	3.000

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(w): Quy chuẩn so sánh do khách hàng yêu cầu, thông tin do khách hàng cung cấp.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh

CN: 1527/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 <http://duonghuynhenv.vn>



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 26.04.2483	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	16/04/2026 Trang/Page: 5/6
-------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Bùn
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: BT.040201 – Máy ép bùn (X=1277 373; Y=558 661)
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method	: TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-15:2004

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối (H _{tc} , ppm) (T=0,98) ^(w)
1	pH	--	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D ^(*)	6,09	2,0 – 12,5
2	Asen (As)	mg/kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3114B:2023 ^(*)	0,578	39,24
3	Bari (Ba)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7 ^(*)	198	1.962
4	Bạc (Ag)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7 ^(*)	KPH (MDL=1,42)	98,1
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7 ^(*)	<2,83 ^(a)	9,81
6	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7 ^(*)	KPH (MDL=3,86)	294,3
7	Coban (Co)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7 ^(*)	12,6	1.569,6
8	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7 ^(*)	35,5	4.905
9	Niken (Ni)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7 ^(*)	16,4	1.373,4
10	Selen (Se)	mg/kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3114B:2023 ^(*)	0,238	19,62
11	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	US EPA Method 7471B ^(*)	0,278	3,924
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/kg	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A ^(*)	KPH (MDL=1,0)	98,1
13	Tổng cyanua (CN ⁻)	mg/kg	US EPA 9013A + US EPA 9010C + US EPA 9014 ^(**)	KPH (MDL=0,5)	578,79
14	Tổng dầu	mg/kg	US EPA 9071B ^(**)	609	981
15	Phenol	mg/kg	US EPA 3540C + US EPA 3650B + US EPA 8041A ^(**)	KPH (MDL=10)	19.620
16	Benzen	mg/kg	US EPA 5021A ^(**)	KPH (MDL=0,5)	9,81

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(**) : Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3./ Subcontracted test by Quality Assurance & Testing Center 3.

(a) : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation of Method (LOQ).

(w) : Quy chuẩn so sánh do khách hàng yêu cầu, thông tin do khách hàng cung cấp.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh

CN: 1527/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 26.04.2483	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	16/04/2026 Trang/Page: 6/6
-------------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí môi trường lao động
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: KL.040206 – Trong nhà xưởng KX.040201 – Ngoài nhà xưởng (X=1277 314; Y=559 046)

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU VÀ PHÂN TÍCH

TT No	Thông số Parameters	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method
1	Độ ồn	QCVN 24:2016/BYT	QCVN 24:2016/BYT
2	Nhiệt độ	QCVN 26:2016/BYT	QCVN 26:2016/BYT
3	Độ ẩm		
4	Tốc độ gió		
5	Bụi	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 02:2019/BYT
6	Hơi khí độc	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT
	NO ₂ , SO ₂ , CO, CO ₂		

KẾT QUẢ ĐO CÁC YẾU TỐ TRONG MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Kết quả Result		QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
			KL.040206	KX.040201				
1	Độ ồn ^(b)	dBA	75,3	-	-	-	≤85	-
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	32,9	-	-	-	-	18-32
3	Độ ẩm ^(b)	%	67,3	-	-	-	-	40-80
4	Tốc độ gió ^(b)	m/s	0,2	-	-	-	-	0,2-1,5
5	Bụi ^(b)	mg/m ³	0,34	-	8	-	-	-
6	NO ₂ ^(b)	mg/m ³	0,17	-	-	5	-	-
7	SO ₂ ^(b)	mg/m ³	0,22	-	-	5	-	-
8	CO ^(b)	mg/m ³	<10,3 ^(a)	-	-	20	-	-
9	CO ₂ ^(b)	mg/m ³	1.414	1.164	-	9.000	-	-

Ghi chú/ Note:

(a): Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation of Method (LOQ).

(b): Chỉ tiêu được công nhận theo QĐ 6686/ SYT-NVY.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn

Q326A037396
(MTTN26005238.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/04/2026
Trang/ Page: 1/3

1. Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - VÒI CẤP NƯỚC SINH HOẠT
NGÀY LẤY MẪU: 02/04/2026
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa, chai thủy tinh
- Số đơn vị/mẫu: 2 L x 01 + 1 L x 01
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 06/04/2026
5. Thời gian thử nghiệm : 06/04/2026 - 16/04/2026
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH XNK VT BẢO DUY NHÀ MÁY BỘT MÌ BẢO DUY
Áp Thạnh An, xã Thạnh Bình, tỉnh Tây Ninh
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Trung

Q326A037396
 (MTTN26005238.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/04/2026

Trang/ Page: 2/3

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Mức chất lượng
7.1	Chỉ số permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.3	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.4	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.5	Hàm lượng asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH	0,0005	0,01
7.6	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01
7.7	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	0,02	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (**)
7.8	Hàm lượng florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5
7.9	Hàm lượng mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3120B:2023	0,05	-	0,1
7.10	Hàm lượng nhôm (Al)	mg/L	US EPA 200.8	0,44	-	0,2
7.11	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	2,3	-	11
7.12	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,01	0,9
7.13	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,1	250
7.14	Hàm lượng sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,05	0,3
7.15	Mùi	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi là	-	Không có mùi là (**)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A037396
(MTTN26005238.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/04/2026

Trang/ Page: 3/3

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Mức chất lượng
7.16	Vị	-	QUATEST3 1263:2024 (ref. SMEWW 2160B:2023)	KTN	-	-
7.17	Độ màu	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.18	Độ pH	-	TCVN 6492:2011	4,7	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (**)
7.19	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.20	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	< 5,5 (LOQ)	1,6	300

Ghi chú:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- (**): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường.

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc

- ISO: International Organization for Standardization

- KPH: Không phát hiện

- KTN: Chỉ tiêu "Vị" không thực hiện do điều kiện mẫu không phù hợp cho phép thử cảm quan.

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia

- US EPA: United States Environmental Protection Agency

- (c): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.